

BẢN XÁC NHẬN

Khu vực, công suất, khối lượng, phương pháp, thiết bị, kế hoạch khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường trong diện tích dự án xây dựng công trình để phục vụ thi công Dự án thành phần đoạn Quy Nhơn - Chí Thạnh thuộc Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021 – 2025 của Công ty Cổ phần Đầu tư thiết bị và Xây dựng Hồng Hà

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17/11/2010;

Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản; mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản; trình tự, thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản;

Căn cứ Quyết định số 890/QĐ-UBND ngày 18/3/2024 của UBND tỉnh phê duyệt bổ sung khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh;

Theo Văn bản số 1416/UBND-KT ngày 01/3/2024 của UBND tỉnh về việc đăng ký khai thác khoáng sản trong phạm vi công trình để thi công Dự án cao tốc Bắc - Nam của Công ty CP Đầu tư thiết bị và Xây dựng Hồng Hà;

Xét đề nghị của Công ty Cổ phần Đầu tư thiết bị và Xây dựng Hồng Hà tại Bản đăng ký khu vực, công suất, khối lượng, phương pháp, thiết bị và kế hoạch khai thác khoáng sản vật liệu xây dựng thông thường trong diện tích dự án xây dựng công trình phục vụ thi công dự án đường cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025 ngày 24/01/2024 tại xã Phước Thành huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 413/TTr-STNMT ngày 09/4/2024.

XÁC NHẬN:

1. Khu vực khai thác khoáng sản vật liệu xây dựng thông thường trong diện

tích dự án xây dựng công trình có diện tích 1,35ha tại xã Phước Thành, huyện Tuy Phước của Công ty Cổ phần Đầu tư thiết bị và Xây dựng Hồng Hà (Mã số doanh nghiệp 0102846560, địa chỉ tại Tổ 10-Cụm 2, phường Tứ Liên, quận Tây Hồ, Hà Nội) để phục vụ thi công gói thầu 11-XL (đoạn tuyến Km9+800 – Km10+040), Dự án thành phần đoạn Quy Nhơn - Chí Thạnh thuộc Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc – Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025, được giới hạn bởi các điểm khếp góc có tọa độ nêu chi tiết tại Phụ lục kèm theo.

2. Trữ lượng khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường:

- Đất san lấp: 38.124,95 m³ ở thể địa chất.
- Đá làm vật liệu xây dựng thông thường: 17.472,08 m³ ở thể địa chất.

3. Công suất khai thác năm 2024: đất 38.124,95 m³, đá 17.472,08 m³.

4. Độ cao khai thác: cost kết thúc khai thác tại vị trí thấp nhất +16,22m.

5. Kế hoạch khai thác: (có Kế hoạch khai thác cụ thể theo Bản đăng ký);

6. Thiết bị khai thác: (có Bảng danh mục theo Bản đăng ký);

7. Thời gian khai thác: Đến ngày 31/12/2024.

8. Công ty Cổ phần Đầu tư thiết bị và Xây dựng Hồng Hà có trách nhiệm:

- Nộp đầy đủ số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo thông báo của cơ quan thuế;

- Thực hiện việc khai thác khoáng sản đất san lấp và đá làm vật liệu xây dựng thông thường theo đúng khối lượng, công suất, kế hoạch, phương pháp nêu trên; chỉ cung cấp khoáng sản cho gói thầu 11-XL (Km9+800 – Km10+040), Dự án thành phần đoạn Quy Nhơn - Chí Thạnh.

- Thống kê, kiểm kê, tổng hợp đầy đủ khối lượng khoáng sản khai thác thực tế để thực hiện nghĩa vụ nộp thuế, phí, kê khai nộp tiền thuê đất và các nghĩa vụ khác theo đúng quy định của pháp luật về khoáng sản và pháp luật khác có liên quan.

- Sau khi kết thúc khai thác, báo cáo kết quả cho Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp theo quy định.

- Thực hiện nghĩa vụ bảo vệ môi trường trong quá trình khai thác.

9. Trách nhiệm các cơ quan có liên quan:

- Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với các đơn vị liên quan thường xuyên theo dõi, giám sát hoạt động khai thác khoáng sản của Công ty Cổ phần Đầu tư thiết bị và Xây dựng Hồng Hà.

- UBND huyện Tuy Phước và UBND xã Phước Thành kiểm tra, giám sát hoạt động khai thác khoáng sản trong phạm vi diện tích xây dựng công trình của Công ty Cổ phần Đầu tư thiết bị và Xây dựng Hồng Hà theo đúng phạm vi, ranh giới, mục đích đã được đăng ký theo Bản xác nhận này.

10. Đề nghị Ban Quản lý dự án 85 có trách nhiệm theo dõi, giám sát hoạt động khai thác khoáng sản vật liệu xây dựng thông thường của Công ty Cổ phần Đầu tư thiết bị và Xây dựng Hồng Hà theo đúng phạm vi, diện tích, khối lượng, mục đích phục vụ gói thầu 11-XL (Km9+800 – Km10+040), Dự án thành phần đoạn Quy Nhơn - Chí Thạnh, sau khi kết thúc khai thác nghiệm thu khối lượng gửi Sở Tài nguyên và Môi trường để theo dõi.

11. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Giao thông vận tải; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh, Chủ tịch UBND huyện Tuy Phước, Chủ tịch UBND xã Phước Thành, Thủ trưởng các đơn vị liên quan và Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư thiết bị và Xây dựng Hồng Hà chịu trách nhiệm thi hành Bản xác nhận này./.

Nơi nhận:

- Như điểm 11;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Cục Khoáng sản Việt Nam;
- Chi cục KS HĐKS Miền Trung;
- Ban QLDA 85;
- Lưu: VT, K4, K19.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tuấn Thanh

PHỤ LỤC
RANH GIỚI, TỌA ĐỘ KHU VỰC KHAI THÁC
(Kèm theo Bản xác nhận số: /XN-UBND ngày tháng năm 2024 của
UBND tỉnh Bình Định)

Điểm góc	Hệ tọa độ VN-2000 (KKT 108°15', múi chiếu 3°)	
	X(m)	Y(m)
P1	1523618,041	593658,9073
P2	1523599,223	593665,6981
P3	1523594,313	593666,8694
P4	1523584,13	593669,2979
P5	1523579,585	593670,3817
P6	1523560,183	593675,6699
P7	1523541,292	593682,2735
P8	1523524,152	593693,3828
P9	1523505,279	593700,0321
P10	1523485,76	593705,0214
P11	1523465,946	593709,2529
P12	1523443,987	593707,9671
P13	1523422,472	593707,8259
P14	1523402,225	593710,9427
P15	1523383,163	593717,107
P16	1523364,735	593724,9007
P17	1523348,164	593737,4701
P18	1523331,749	593750,4403
P19	1523318,531	593771,632
P20	1523311,861	593782,3269
P21	1523299,213	593777,135
T22	1523316,955	593822,7539
T23	1523322,083	593808,6098
T24	1523332,131	593806,5996
T25	1523352,06	593802,6639
T26	1523370,54	593795,0035

T27	1523389,429	593788,3942
T28	1523408,4	593781,9941
T29	1523426,402	593773,1057
T30	1523445,745	593767,665
T31	1523464,132	593759,766
T32	1523481,391	593748,9645
T33	1523498,035	593736,5838
T34	1523514,766	593724,4256
T35	1523533,728	593718,0044
T36	1523551,966	593709,7226
T37	1523570,315	593701,7218
T38	1523589,18	593695,0526
T39	1523593,501	593693,3917
T40	1523603,181	593689,671
T41	1523607,848	593687,8773
T42	1523627,107	593682,2192
1,35ha		